

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày: 19 - 02 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự, vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Vĩnh Thành;
2. Bà Ngô thị Lệ Thi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng X;

Địa chỉ: 130 PDL, quận N, thành phố C;

Địa chỉ chi nhánh: Quốc lộ 91, phường M, thành phố N, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc T, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng X - Chi nhánh An Giang, vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Trần Thanh Q, sinh năm 1986, nơi cư trú: tổ 24, khóm H, phường CP, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X (viết tắt là Ngân hàng) trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 14/11/2013 Ngân hàng X – Chi nhánh An Giang có cho ông Lê Trần Thanh Q (công tác tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh An Giang) vay tín chấp số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 8,5%/năm, lãi suất quá hạn 12,75%/năm, mục đích cho vay để tiêu dùng (theo Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 13/11/2013 và Giấy đăng ký vay tiền trả góp (kiêm khế ước nhận nợ) ngày 27/8/2013) với phương thức trả góp hàng tháng mỗi kỳ 530.000 đồng, trả cuối kỳ 275.000 đồng. Quá trình vay ông Q có thực hiện trả nợ gốc được số tiền 12.130.000 đồng (trong đó vốn 8.908.039 đồng, lãi 3.221.961 đồng), còn nợ lại số tiền vốn 6.091.961 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông Q trả vốn, lãi tạm tính đến ngày 19/02/2021 tổng cộng 10.332.638 đồng trong đó: Vốn gốc 6.091.961 đồng, lãi 4.240.677 đồng (lãi trong hạn 603.039 đồng, lãi quá hạn 3.637.638 đồng); đồng thời thanh toán lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm:

- Giấy đăng ký vay tiền trả góp (kiêm khế ước nhận nợ) của Lê Trần Thanh Q ngày 27/8/2013;
- Giấy xác nhận công tác của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N ngày 31/10/2013;
- Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 13/11/2013;
- Biên bản làm việc về việc thu hồi và xử lý nợ ngày 15/8/2017 giữa Ngân hàng và ông Lê Trần Thanh Q.
- Sao kê hoạt động của khách hàng vay ngày 11/6/2020;
- Xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T về việc quá trình công tác tại phường ông Q có vay số tiền 15.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP X – chi nhánh An Giang.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án có tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại Công an phường CP về tình trạng cư trú của ông Q. Công an khu vực khóm H cho biết: Ông Lê Trần Thanh Q, sinh năm 1986, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 24, khóm H, phường CP, thành phố K; hiện nay ông Q không có mặt tại địa phương; ông Q đi đâu, làm gì không rõ.

Đồng thời, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về giải quyết vụ án:

Căn cứ giấy đăng ký vay tiền trả góp, kiêm khế ước nhận nợ ngày 27/8/2013; danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 13/11/2013; Ngân hàng đã chấp thuận giải ngân cho ông Q vay số tiền giải ngân là 15.000.000 đồng vào ngày 14/11/2013, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn 8,5%/năm, lãi suất quá hạn 12,75%, hình thức trả: góp hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q đã thanh toán được 12.130.000 đồng (trong đó vốn 8.908.039 đồng; lãi trong hạn 3.221.961 đồng). Sau đó, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q có nghĩa vụ thanh toán số nợ 10.332.638 đồng (trong đó nợ vốn: 6.091.961 đồng; lãi trong hạn: 603.039 đồng, lãi quá hạn: 3.637.638 đồng) tính đến ngày 19/02/2021; đồng thời phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 20/02/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Bị đơn mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Xét thấy, việc thỏa thuận vay nợ theo khế ước nhận nợ giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, các bên thống nhất nội dung hợp đồng đã thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất cũng như số tiền còn nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q có nghĩa vụ thanh toán số nợ vốn và lãi là có căn cứ theo quy định tại các Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn có trách nhiệm trả vốn vay gốc 6.091.961 đồng, tiền lãi 4.240.677 đồng (lãi trong hạn 603.039 đồng, lãi quá hạn 3.637.638 đồng), và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Lê Trần Thanh Q có nơi cư trú tổ 24, khóm H, phường CP, thành phố K, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về xác lập hợp đồng vay tài sản:

Xét Giấy đăng ký vay tiền trả góp (kiêm khế ước nhận nợ) của Lê Trần Thanh Q ngày 27/8/2013 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 13/11/2013 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[4] Về vốn và lãi vay:

Ngày 14/11/2013 Ngân hàng cho ông Q vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích cho vay để tiêu dùng, lãi suất trong hạn 8,5%/năm, lãi suất quá hạn 12,75%, hình thức trả là góp hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng đến hạn trả nợ vào ngày 14/11/2016 ông Q không thực hiện trả vốn, lãi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Q trả vốn, lãi tạm tính đến ngày 19/02/2021 tổng cộng 10.332.638 đồng trong đó: Vốn gốc 6.091.961 đồng, lãi 4.240.677 đồng (lãi trong hạn 603.039 đồng, lãi quá hạn 3.637.638 đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 xét chấp nhận.

Buộc ông Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nợ gốc và nợ lãi tổng cộng 10.332.638 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/02/2021), bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 517.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

Buộc ông Lê Trần Thanh Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X nợ gốc và nợ lãi tổng cộng 10.332.638 (mười triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm ba tám) đồng. Trong đó: Vốn gốc 6.091.961 đồng, lãi 4.240.677 đồng (lãi trong hạn 603.039 đồng, lãi quá hạn 3.637.638 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/02/2021), bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004176 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K cho Ngân hàng.

Ông Lê Trần Thanh Q phải chịu 517.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương